



BẢN TIN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Phiên giao dịch ngày 06/09/2023

DIỄN BIẾN CHUNG TOÀN THỊ TRƯỜNG

Thị trường tăng 0.85% với thanh khoản đạt 25,236.862 tỷ đồng. Nước ngoài bán ròng, tự doanh bán ròng. Kết thúc phiên giao dịch ngày 06/09/2023 VN-Index tăng 10.52 điểm với thanh khoản trên trung bình 20 phiên.

Thị trường chứng khoán hôm nay giao dịch giằng co trong phần lớn phiên giao dịch, tuy nhiên, thị trường hồi phục cuối phiên nhờ lực cầu vào tốt. Chỉ số VN-Index nói rộng đà tăng và đóng cửa ở mức cao nhất trong ngày, nối dài chuỗi phiên tăng sang phiên thứ 6 liên tiếp.

Kết thúc phiên giao dịch ngày 06-09, VN Index tăng 10.52 điểm (0.85%) lên 1,245.50 điểm với 356 mã tăng, 70 mã đứng giá và 145 mã giảm điểm. HNX Index tăng 3.08 điểm (1.22%) lên 255.36 điểm với 104 mã tăng, 71 mã đứng giá và 68 mã giảm điểm. UPCoM Index tăng 0.27 điểm (0.29%) lên 94.56 điểm với 194 mã tăng, 74 mã đứng giá và 111 mã giảm điểm.

Cổ phiếu thép cũng là tâm điểm của thị trường khi HPG tăng tới 4,32%, HSG và NKG đồng loạt tăng kịch biên độ. Ở nhóm BĐS, sắc xanh cũng là chủ đạo. Nhóm ngân hàng không nằm ngoài xu hướng tăng chung.

Dòng Thép: NKG (6.82%), HSG (6.77%), HPG (4.32%), SMC (6.20%), TLH (6.37%), ...

Dòng Chứng khoán: FTS (6.90%), BSI (5.08%), CTS (4.35%), SHS (3.80%), MBS (3.43%), VIX (2.29%)

Dòng Ngân hàng: VPB (3.81%), STB (1.07%), ACB (0.88%), TCB (0.57%), MBB (0.52%), TPB (0.51%),...

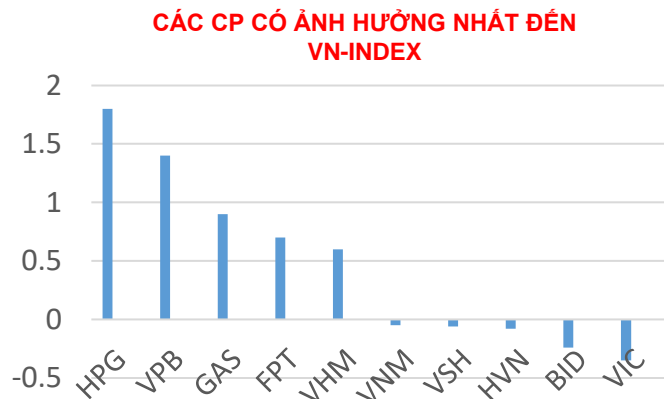
Dòng Dầu khí: PSH (6.64%), BSR (3.50%), OIL (2.80%), PVC (2.17%), GAS (1.91%), PET (1.72%),...

Dòng BĐS: NHA (6.90%), TCH (2.69%), PDR (2.61%), LDG (2.43%), DPG (2.01%), NVL (1.87%),...

Phiên nay khối ngoại có phiên bán ròng với giá trị đạt -102.17 tỷ đồng. Trong đó, HDG là cổ phiếu bị bán ròng mạnh nhất, giá trị đạt 85.08 tỷ đồng. Bên cạnh đó: SSI (50.06 tỷ), HPG (49.43 tỷ), KBC (46.16 tỷ), STB (45.00 tỷ), VCB (36.66 tỷ), VIC (31.38 tỷ), DHC (24.26 tỷ),... là một số cổ phiếu cũng bị bán ròng phiên nay.

Bên cạnh đó, cổ phiếu được nhà đầu tư nước ngoài mua ròng mạnh nhất là VPB đạt 432.38 tỷ đồng. Ngoài ra, một số cổ phiếu khác cũng được mua ròng hôm nay như: TPB (22.30 tỷ), BSI (14.95 tỷ), HDB (14.67 tỷ), FTS (14.06 tỷ), VJC (11.07 tỷ), VNM (11.00 tỷ), FRT (9.24 tỷ), BID (8.57 tỷ), OCB (8.34 tỷ),...

Thống kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,245.5	255.36
% thay đổi	↑ 0.85%	↑ 1.22%
KLGD (CP)	1,131,574,538	120,094,162
GTGD (tỷ đồng)	25,226.44	2,409.62





THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HOSE

Top 5 cổ phiếu có KLGD lớn nhất

Mã	Giá TC	Giá đóng	%	KLGD
HPG	27.80	29.00	4.32	52,574,600
NVL	21.40	21.80	1.87	46,224,000
VIX	19.65	20.10	2.29	42,709,500
DXG	22.10	22.25	0.68	41,795,100
GEX	24.75	25.00	1.01	29,398,100

Top 5 cổ phiếu tăng giá nhiều nhất

Mã	Giá TC	Giá đóng	+/-	%
DC4	12.90	13.80	0.90	6.98
CCL	8.18	8.75	0.57	6.97
BMP	87.60	93.70	6.10	6.96
SSC	30.90	33.05	2.15	6.96
EVF	12.25	13.10	0.85	6.94

Top 5 cổ phiếu giảm giá nhiều nhất

Mã	Giá TC	Giá đóng	+/-	%
COM	34.00	32.00	-2.00	-5.88
S4A	32.00	30.30	-1.70	-5.31
TIX	36.00	34.10	-1.90	-5.28
DLG	3.00	2.86	-0.14	-4.67
SC5	21.00	20.05	-0.95	-4.52

HNX

Mã	Giá TC	Giá đóng	%	KLGD
SHS	18.40	19.10	3.80	17,394,700
HUT	26.30	28.50	8.37	11,537,600
CEO	27.20	27.50	1.10	9,608,100
PVS	36.50	36.60	0.27	5,775,000
APS	9.50	9.80	3.16	4,498,500

Mã	Giá TC	Giá đóng	+/-	%
CMS	15.00	16.50	1.50	10.00
TSB	39.10	43.00	3.90	9.97
SDN	27.20	29.90	2.70	9.93
NHC	33.60	36.90	3.30	9.82
VSA	23.50	25.80	2.30	9.79

Mã	Giá TC	Giá đóng	+/-	%
BKC	8.40	7.60	-0.80	-9.52
LBE	15.60	14.30	-1.30	-8.33
ONE	6.00	5.50	-0.50	-8.33
SGD	19.40	17.90	-1.50	-7.73
SFN	21.20	19.60	-1.60	-7.55



PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Trong phiên ngày 06/09/2023, thị trường không còn xung lực tăng trong sáng nay, chủ yếu do không luân chuyển được các cổ phiếu vốn hóa lớn. Duy nhất GAS tăng đáng kể trong nhóm trụ, nhưng VIC, CTG, BID chìm sâu khiến những phút cuối chỉ số tụt dốc xuống dưới tham chiếu. Hiện tượng phân hóa vẫn duy trì được nhưng mặt bằng giá tăng yếu, chứng khoán vẫn là nhóm mạnh nhất.

Bước sang phiên chiều sau gần 2h nhiều dòng hút được dòng tiền như thép, chứng khoán và một số cổ phiếu đơn lẻ các nhóm ngành đã dẫn dắt kéo chỉ số tăng tốt và đóng cửa cao nhất phiên. VN-Index theo đà thị ngày, phiên ngày 06/09 là một phiên tăng khá mạnh với thanh khoản có sự gia tăng và vượt qua ngưỡng 1240 điểm, dòng tiền có sự tích cực khi có sự luân chuyển ở các nhóm ngành. Các chỉ báo MACD, RSI đang cho tín hiệu tốt, trend xu hướng vẫn đang khá tốt, về ngắn hạn đang tích cực, tuy nhiên vẫn có thể có sự rung lắc trong phiên.



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Theo chúng tôi, phiên ngày 06/09 là một phiên tăng khá mạnh với thanh khoản có sự gia tăng và vượt qua ngưỡng 1240 điểm, dòng tiền có sự tích cực khi có sự luân chuyển ở các nhóm ngành. Các chỉ báo MACD, RSI đang cho tín hiệu tốt, trend xu hướng vẫn đang khá tốt, về ngắn hạn đang tích cực, tuy nhiên vẫn có thể có sự rung lắc trong phiên. Trong thời điểm này thị trường cũng lên khá cao nên đối với nhà đầu tư lướt sóng chấp nhận rủi ro vẫn tham gia vì thị trường đang bước giai đoạn chạy nước rút nhưng cần để ý danh mục và quản trị rủi ro thật chặt. Còn đối với nhà đầu tư ôm theo trend với vị thế tốt thì khi thị trường uptrend vẫn tiếp tục nắm giữ, ưu tiên các cổ phiếu khỏe như chứng khoán, BĐS, KCN, Bán lẻ.

Tổng quan thị trường chung

Thị trường đang ở trạng thái Uptrend



LỊCH CHỐT QUYỀN CỔ TỨC TỪ NGÀY 01 ĐẾN 30/09/2023

Mã CK	Loại sự kiện	Ngày GDKHQ	Ngày chốt	Ngày thực hiện	Chi tiết
HCD	Trả cổ tức bằng tiền mặt	5/9/2023	6/9/2023	20/10/2023	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 500 đồng/CP
	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	5/9/2023	6/9/2023		Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:7
	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	5/9/2023	6/9/2023		Trả cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:10
GER	Trả cổ tức bằng tiền mặt	5/9/2023	6/9/2023	25/09/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,089.6 đồng/CP
NTC	Trả cổ tức bằng tiền mặt	5/9/2023	6/9/2023	20/11/2023	Trả cổ tức đợt 2/2022 bằng tiền, 2,000 đồng/CP
SDN	Trả cổ tức bằng tiền mặt	5/9/2023	6/9/2023	20/09/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 2,700 đồng/CP
	Thưởng cổ phiếu	5/9/2023	6/9/2023		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 1:1
IN4	Trả cổ tức bằng tiền mặt	5/9/2023	6/9/2023	20/09/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,500 đồng/CP
VGS	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	5/9/2023	6/9/2023		Trả cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:10
SBH	Trả cổ tức bằng tiền mặt	5/9/2023	6/9/2023	27/09/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,500 đồng/CP
NTH	Trả cổ tức bằng tiền mặt	5/9/2023	6/9/2023	21/09/2023	Trả cổ tức đợt 1/2023 bằng tiền, 1,000 đồng/CP
DUS	Trả cổ tức bằng tiền mặt	6/9/2023	7/9/2023	25/09/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,200 đồng/CP
BTS	Trả cổ tức bằng tiền mặt	6/9/2023	7/9/2023	12/10/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 300 đồng/CP
HC1	Trả cổ tức bằng tiền mặt	6/9/2023	7/9/2023	9/10/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,000 đồng/CP
VLW	Trả cổ tức bằng tiền mặt	6/9/2023	7/9/2023	25/09/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,000 đồng/CP
CQT	Trả cổ tức bằng tiền mặt	7/9/2023	8/9/2023	29/09/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 400 đồng/CP
SAL	Trả cổ tức bằng tiền mặt	7/9/2023	8/9/2023	20/09/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 274 đồng/CP
CTT	Trả cổ tức bằng tiền mặt	7/9/2023	8/9/2023	25/09/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,300 đồng/CP
ILB	Trả cổ tức bằng tiền mặt	7/9/2023	8/9/2023	29/09/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,990 đồng/CP
BTW	Trả cổ tức bằng tiền mặt	7/9/2023	8/9/2023	2/10/2023	Trả cổ tức bằng tiền, 800 đồng/CP



LỊCH CHỐT QUYỀN CỔ TỨC TỪ NGÀY 01 ĐẾN 30/09/2023

Mã CK	Loại sự kiện	Ngày GDKHQ	Ngày chốt	Ngày thực hiện	Chi tiết
BPC	Trả cổ tức bằng tiền mặt	7/9/2023	8/9/2023	9/10/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 200 đồng/CP
VID	Trả cổ tức bằng tiền mặt	7/9/2023	8/9/2023	22/09/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 500 đồng/CP
VGW	Trả cổ tức bằng tiền mặt	7/9/2023	8/9/2023	20/09/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 375 đồng/CP
BSA	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	7/9/2023	8/9/2023		Trả cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:2
NSL	Trả cổ tức bằng tiền mặt	7/9/2023	8/9/2023	20/09/2023	Trả cổ tức đợt 1/2023 bằng tiền, 1,000 đồng/CP
SIP	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	7/9/2023	8/9/2023		Trả cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:45
	Thưởng cổ phiếu	7/9/2023	8/9/2023		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:55
TVA	Trả cổ tức bằng tiền mặt	7/9/2023	8/9/2023	27/09/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 700 đồng/CP
DNA	Trả cổ tức bằng tiền mặt	7/9/2023	8/9/2023	9/10/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,500 đồng/CP
PGV	Trả cổ tức bằng tiền mặt	7/9/2023	8/9/2023	5/10/2023	Trả cổ tức đợt 2/2022 bằng tiền, 1,450 đồng/CP
CAV	Trả cổ tức bằng tiền mặt	8/9/2023	11/9/2023	25/09/2023	Trả cổ tức đợt 4/2022 bằng tiền, 2,000 đồng/CP
PHR	Trả cổ tức bằng tiền mặt	8/9/2023	11/9/2023	25/12/2023	Trả cổ tức đợt 2/2022 bằng tiền, 1,950 đồng/CP
PDV	Phát hành thêm	8/9/2023	11/9/2023		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 1000:385, giá 10,000 đồng/CP
PSW	Trả cổ tức bằng tiền mặt	8/9/2023	11/9/2023	26/09/2023	Trả cổ tức năm 2023 bằng tiền, 900 đồng/CP
DCG	Trả cổ tức bằng tiền mặt	11/9/2023	12/9/2023	27/09/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 2,000 đồng/CP
SNC	Trả cổ tức bằng tiền mặt	11/9/2023	12/9/2023	11/10/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,000 đồng/CP
DPR	Trả cổ tức bằng tiền mặt	11/9/2023	12/9/2023	20/11/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 3,000 đồng/CP
HAD	Trả cổ tức bằng tiền mặt	12/9/2023	13/09/2023	28/09/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,200 đồng/CP
VNS	Trả cổ tức bằng tiền mặt	13/09/2023	14/09/2023	27/09/2023	Trả cổ tức đợt 2/2023 bằng tiền, 500 đồng/CP
BIC	Trả cổ tức bằng tiền mặt	14/09/2023	15/09/2023	5/10/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,300 đồng/CP



LỊCH CHÓT QUYỀN CỔ TỨC TỪ NGÀY 01 ĐẾN 30/09/2023

Mã CK	Loại sự kiện	Ngày GDKHQ	Ngày chốt	Ngày thực hiện	Chi tiết
TGP	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	14/09/2023	15/09/2023		Trả cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:17
BTP	Trả cổ tức bằng tiền mặt	14/09/2023	15/09/2023	16/10/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,200 đồng/CP
SAB	Thưởng cổ phiếu	14/09/2023	15/09/2023		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 1:1
SRC	Trả cổ tức bằng tiền mặt	15/09/2023	18/09/2023	3/10/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 800 đồng/CP
CKA	Trả cổ tức bằng tiền mặt	18/09/2023	19/09/2023	5/10/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 3,500 đồng/CP
HCC	Trả cổ tức bằng tiền mặt	19/09/2023	20/09/2023	20/10/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,500 đồng/CP
DIH	Trả cổ tức bằng tiền mặt	19/09/2023	20/09/2023	24/10/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 600 đồng/CP
ALT	Trả cổ tức bằng tiền mặt	20/09/2023	21/09/2023	20/10/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,000 đồng/CP
TVH	Trả cổ tức bằng tiền mặt	21/09/2023	22/09/2023	23/10/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 3,600 đồng/CP
SBV	Trả cổ tức bằng tiền mặt	25/09/2023	26/09/2023	16/10/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 500 đồng/CP



DANH SÁCH CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Ngày mở	Mã	Giá hiện tại	Vùng mua dự kiến	Giá mục tiêu ngắn hạn	Giá mục tiêu dài hạn	Giá cắt loss	Trạng thái
27/06/23	FTS	41.05	29.5 - 30.2	35.0	41.0	27.6	Nắm giữ
27/06/23	VND	24.00	18.5 - 19.0	23.0	31.0	17.5	Nắm giữ
27/06/23	IDC	48.60	43.0 - 43.5	48.0	62.0	40.0	Nắm giữ
27/06/23	SZC	38.50	35.5 - 36.0	48.0	73.0	33.0	Nắm giữ
27/06/23	PHR	51.30	47.0 - 47.5	55.0	77.0	45.0	Nắm giữ
27/06/23	FCN	17.10	15.2 - 15.5	19.5	25.0	14.5	Nắm giữ
27/06/23	HHV	15.60	14.2 - 14.5	17.0	21.0	13.4	Nắm giữ
27/06/23	DGC	90.80	63.2 - 63.5	79.0	100.0	60.0	Nắm giữ
27/06/23	DPG	43.15	33.4 - 33.8	47.0	77.0	31.0	Nắm giữ
27/06/23	HSG	21.30	16.0 - 16.3	19.0	25.0	15.3	Nắm giữ
27/06/23	NKG	21.15	17.2 - 17.5	22.0	27.0	16.0	Nắm giữ
27/06/23	OCB	20.70	18.3 - 18.5	20.5	25.0	17.8	Nắm giữ
27/06/23	TCB	35.20	32.5 - 32.8	38.0	43.0	31.0	Nắm giữ



Tất cả những thông tin nêu trong bản tin này đều được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần chứng khoán Hải Phòng (HAC) không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin đề cập trong bản tin. Mọi quan điểm, phân tích, nhận định và khuyến nghị trong bản tin này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của HAC. Báo cáo chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin tham khảo, không hàm ý khuyến NĐT nên mua, bán hay nắm giữ cổ phiếu.

Chịu trách nhiệm nội dung

Phòng môi giới

Chuyên viên: Phạm Phú Trường

Chuyên viên: Đoàn Thu Trang

Mọi thông tin chi tiết vui lòng liên hệ:

Phòng môi giới – Công ty Cổ phần chứng khoán Hải Phòng

Trụ sở chính tại Hải Phòng

Số 7, lô 28A đường Lê Hồng
Phong, Phường Đông Khê, Quận
Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng
Tel: (0225) 3 842.332/3 842.335
Fax: (0225) 3 746.266/3 746.364
Email: haseco@haseco.vn
Website: www.haseco.vn

Chi nhánh Hà Nội

Số 163 Bà Triệu, Quận Hai Bà
Trung, Thành phố Hà Nội
Tel: (024) 3574.7020
Fax: (024) 3574.7019

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Số 328 Võ Văn Kiệt, Quận 1, TP.
Hồ Chí Minh
Tel: (028) 3920.7800/01/02
Fax: (028) 3920.7825
